Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1404.90.99

Mã HS	1404.90.99
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm từ thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 19:26:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/14049099/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1845
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1845
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1845
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1847
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1820
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1820
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1820
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1820
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1820
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1820
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E1850
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1850

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1850
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1850
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1850
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1850
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E1852
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F1852
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1852
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1852
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1852
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1852
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1854
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1822
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1822
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1822
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1822
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1822
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1822
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1822
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1820
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1820
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1820
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1820
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1820
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1820
VCFTA	2022	2022	0	VC!D1861
VCFTA	2023	2023	0	VC!E1861

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1861
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1861
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1861
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1861
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1860
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1860
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1860
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1860
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1860
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1860
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D1866
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E1866
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F1866
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G1866
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H1866
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1866
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D1823
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E1823
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F1823
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G1823
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H1823
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I1823
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D1825
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E1825
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F1825
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G1825

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H1825
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I1825
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D1823
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E1823
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1823
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1823
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1823
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1823
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1823
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D1852
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E1852
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F1852
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G1852
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H1852
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I1852
RCEP B	2022	2022	0	B!D1852
RCEP B	2023	2023	0	B!E1852
RCEP B	2024	2024	0	B!F1852
RCEP B	2025	2025	0	B!G1852
RCEP B	2026	2026	0	B!H1852
RCEP B	2027	2027	0	B!I1852
RCEP C	2022	2022	0	C!D1852
RCEP C	2023	2023	0	C!E1852
RCEP C	2024	2024	0	C!F1852
RCEP C	2025	2025	0	C!G1852
RCEP C	2026	2026	0	C!H1852

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I1852
RCEP D	2022	2022	0	D!D1852
RCEP D	2023	2023	0	D!E1852
RCEP D	2024	2024	0	D!F1852
RCEP D	2025	2025	0	D!G1852
RCEP D	2026	2026	0	D!H1852
RCEP D	2027	2027	0	D!I1852
RCEP E	2022	2022	0	E!D1854
RCEP E	2023	2023	0	E!E1854
RCEP E	2024	2024	0	E!F1854
RCEP E	2025	2025	0	E!G1854
RCEP E	2026	2026	0	E!H1854
RCEP E	2027	2027	0	E!I1854
RCEP F	2022	2022	0	F!D1852
RCEP F	2023	2023	0	F!E1852
RCEP F	2024	2024	0	F!F1852
RCEP F	2025	2025	0	F!G1852
RCEP F	2026	2026	0	F!H1852
RCEP F	2027	2027	0	F!I1852
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F1722
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G1722
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H1722
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I1722

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1404.90 có 5 dòng thuế; dòng 1404.90.99 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	1404.90.20 Loại dùng chủ yếu trong công nghệ thuộc da hoặc nhuộm; 1404.90.30 Bông gòn; 1404.90.91 Vỏ hạt cọ; 1404.90.92 Chùm không quả của cây cọ dầu	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1404.90.99. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 1404.90.99 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1845), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.